

Bản án số: 02 / 2019 /HS-ST
Ngày 21 - 02 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Công Hảo

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Long

Bà Cao Thị Thu Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hoàng Cúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mang Thít.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít tham gia phiên tòa:
Ông Võ Nhựt Linh- Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 02 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Thít xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 01/2018/TLST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo: Trần Thị Ngọc D, sinh năm 1988 (tên gọi khác O) tại huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

Nơi cư trú: ấp P, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp Buôn bán; trình độ văn hoá (học vấn) 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; con ông Trần Văn B, sinh năm 1959 và bà Trần Thị BR, sinh năm 1959; có chồng Hoàng Phúc HI, sinh năm 1982. Nghề nghiệp: làm thuê; 01 con ruột Hoàng Trần Quang P, sinh năm 2012. Anh, chị, em ruột 02 người lớn nhất sinh năm 1983, nhỏ nhất sinh năm 1985.

Tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: Bị cáo không có án tích, không bị xử lý vi phạm hành chính, không bị xử lý kỷ luật đã được xóa. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

1. Trần Thị NH, sinh năm: 1981, ĐKKHKT: ấp B, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

2. Huỳnh Thị TT, sinh năm: 1975, ĐKKHKT: ấp A, xã C, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

3. Phạm Thị MT, sinh năm: 1962, ĐKHKT: ấp P, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

4. Bùi Văn UP, sinh năm: 1975, ĐKHKT: ấp P, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

5. Trần Thị BR, sinh năm: 1959, ĐKHKT: ấp B, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

6. Nguyễn Việt DG, sinh năm: 1973, ĐKHKT: ấp W, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

7. Nguyễn Thị ÔL, sinh năm: 1991, ĐKHKT: ấp P, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

8. Nguyễn Thị TY, sinh năm: 1983, ĐKHKT: ấp P, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

9. Huỳnh Thị SV, sinh năm: 1957, ĐKHKT: ấp B, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

10. Nguyễn Thị HV, sinh năm: 1964, ĐKHKT: ấp Q, xã N, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

11. Hoàng Thị CT, sinh năm: 1983, ĐKHKT: ấp P, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

12. Nguyễn Thị HL, sinh năm: 1982, ĐKHKT: ấp B, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

13. Lê KH, sinh năm: 1979, ĐKHKT: ấp P, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

14. Thi HĐ, sinh năm: 1991, ĐKHKT: ấp P, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

15. Trần Hữu TI, sinh năm: 1990, ĐKHKT: ấp Q, xã N, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

16. Lý Thị Hồng MI, sinh năm: 1987, ĐKHKT: ấp P, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Phạm Thị UL, sinh năm 1947.

Trú tại: ấp P, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

2. Nguyễn Thị NF, sinh năm 1990

Trú tại: ấp U, xã J, huyện H, tỉnh Vĩnh Long.

3. Nguyễn Thị CA, sinh năm 1976

Trú tại: ấp O, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

4. Nguyễn Ngọc TM, sinh năm 1990
Trú tại: ấp Q, xã N, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.
5. Nguyễn Thị RT, sinh năm 1974
Trú tại: ấp Q, xã N, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.
6. Đỗ Thị BT, sinh năm 1978
Trú tại: ấp P, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.
7. Nguyễn Thị AT, sinh năm 1982
Trú tại: ấp P, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.
8. Trần Thị DF, sinh năm 1970
Trú tại: ấp B, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.
9. Nguyễn Thị SR, sinh năm 1963
Trú tại: ấp B, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.
10. Hoàng Phúc HI, sinh năm 1982
Trú tại: ấp P, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Trần Thị Ngọc D, sinh năm 1988, ngụ ấp P, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, nghề nghiệp mua bán và làm đầu thảo hụi. Trong quá trình chơi hụi, bị cáo thực hiện đúng việc gom và giao tiền hụi nên tạo được sự tin tưởng của nhiều người. Từ đó có nhiều lần khui hụi các hụi viên không trực tiếp đi khui mà tin vào lời nói của bị cáo. Lợi dụng sự tin tưởng của hụi viên, bị cáo đã gian dối để chiếm đoạt tiền. Từ năm 2015 đến năm 2017, bị cáo đã tham gia chơi hụi và làm đầu thảo tổng cộng 04 dây hụi. Trong các lần khui hụi, bị can đã đưa ra thông tin giả với các hụi viên là có người hốt hụi, nhưng thực chất là bị cáo đã lấy tên các hụi viên để kêu hốt hụi và chiếm đoạt tiền. Cụ thể như sau:

Dây hụi thứ 1: Dây hụi một tháng khui một lần mệnh giá 3.000.000 đ (Ba triệu đồng) khui ngày 29/8/2015 (*nhằm 16/7/2015 âm lịch*), gồm 10 phần, dẫn chân 500.000 đ (Năm trăm ngàn đồng), tiền hoa hồng 1.500.000 đ (Một triệu năm trăm ngàn đồng). Dây hụi này bị can tham gia 01 phần đã khui được 09 lần. Trong dây hụi này bị cáo không có gian dối để chiếm đoạt tiền của các hụi viên.

Dây hụi thứ 2: Dây hụi một tháng khui một lần mệnh giá 1.000.000 đ (Một triệu đồng) khui ngày 04/11/2016 (*nhằm 05/10/2016 âm lịch*), dây hụi gồm 15 phần, dẫn chân 200.000 đ (Hai trăm ngàn đồng), tiền hoa hồng 500.000 đ (Năm trăm ngàn đồng). Dây hụi này bị can tham gia 01 phần, đã khui được 12 lần. Trong dây hụi này, lần khui hụi thứ 02, 03 và 04 bị cáo đã tự ý lấy tên của

hội viên Hà, Bùi Văn UP (UP), Nguyễn Thị TY (TY) để kêu hốt hội và chiếm đoạt số tiền **32.620.000 đ** (Ba mươi hai triệu sáu trăm hai mươi ngàn đồng).

Dây hội thứ 3: Dây hội một tháng khui một lần mệnh giá 2.000.000 đ (Hai triệu đồng) khui ngày 26/02/2017 (*nhằm 30/01/2017 âm lịch*), dây hội gồm 12 phần, dẫn chân 400.000 đ (Bốn trăm ngàn đồng), tiền hoa hồng 1.000.000 đ (Một triệu đồng). Dây hội này bị cáo tham gia 01 phần đã khui được 09 lần. Trong dây hội này, lần khui hội thứ 01, 02 và 04 bị cáo đã tự ý lấy tên của hội viên C Linh, Huỳnh Thị SV (Bác 5 T), Thi HD (Đ) để kêu hốt hội và chiếm đoạt số tiền 43.450.000đ (Bốn mươi ba triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng).

Dây hội thứ 4: Dây hội một tháng khui một lần mệnh giá 1.000.000 đ (Một triệu đồng) khui ngày 21.4.2017 (*nhằm 25/3/2017 âm lịch*), dây hội gồm 15 phần, dẫn chân 200.000 đ (Hai trăm ngàn đồng), tiền hoa hồng 500.000 đ (Năm trăm ngàn đồng). Dây hội này bị cáo tham gia 01 phần đã khui được 07 lần. Trong dây hội này bị cáo không có gian dối để chiếm đoạt tiền của các hội viên.

Như vậy: Trong 04 dây hội trên, bị can Trần Thị Ngọc D đã tự ý mượn tên của hội viên ở 02 dây hội với 06 lần mượn tên để hốt hội, tổng số tiền bị can Trần Thị Ngọc D chiếm đoạt số tiền là **76.070.000 đ** (Bảy mươi sáu triệu không trăm bảy mươi ngàn đồng). Sau đó bị can đã tuyên bố bẽ hội và những người bị hại đã gửi đơn yêu cầu giải quyết.

Đến ngày 17/7/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mang Thít ra quyết định khởi tố bị can đối với Trần Thị Ngọc D về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và ra Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị can.

Trong quá trình điều tra, bị cáo Trần Thị Ngọc D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. bị cáo xác định đã lợi dụng sự tin tưởng của các hội viên để gian dối và chiếm đoạt tiền. Số tiền này bị cáo đã sử dụng vào mục đích tiêu xài cá nhân hết nên không còn khả năng thanh toán. Bị cáo đã chiếm đoạt của từng người bị hại số tiền cụ thể như sau:

1. Trần Thị NH số tiền 2.330.000đ (Hai triệu ba trăm ba mươi ngàn đồng).
2. Huỳnh Thị TT số tiền 2.330.000đ (Hai triệu ba trăm ba mươi ngàn đồng).
3. Phạm Thị MT số tiền 2.330.000đ (Hai triệu ba trăm ba mươi ngàn đồng).
4. Bùi Văn UP số tiền 2.330.000đ (Hai triệu ba trăm ba mươi ngàn đồng).
5. Hà (không rõ họ tên, địa chỉ), không làm việc được số tiền 2.330.000đ (Hai triệu ba trăm ba mươi ngàn đồng).
6. Trần Thị BR số tiền 2.330.000đ (Hai triệu ba trăm ba mươi ngàn đồng).

7. Nguyễn Việt DG số tiền 2.330.000đ (Hai triệu ba trăm ba mươi ngàn đồng).

8. Nguyễn Thị ÔL số tiền 2.330.000đ (Hai triệu ba trăm ba mươi ngàn đồng).

9. Nguyễn Thị TY số tiền 2.330.000đ (Hai triệu ba trăm ba mươi ngàn đồng).

10. Huỳnh Thị SV số tiền 10.230.000đ. (Mười triệu hai trăm ba mươi ngàn đồng).

11. Nguyễn Thị HV số tiền 2.330.000đ (Hai triệu ba trăm ba mươi ngàn đồng).

12. A Tùng, ở Thành phố Hồ Chí Minh, không rõ họ tên, địa chỉ nên không làm việc được, số tiền 2.330.000đ (Hai triệu ba trăm ba mươi ngàn đồng).

13. A Phương, ở Thành phố Hồ Chí Minh, không rõ họ tên, địa chỉ nên không làm việc được, số tiền 2.330.000đ (Hai triệu ba trăm ba mươi ngàn đồng).

14. Út Bạch, ở Thành phố Hồ Chí Minh, không rõ họ tên, địa chỉ nên không làm việc được, số tiền 2.330.000đ (Hai triệu ba trăm ba mươi ngàn đồng).

15. C Linh, nhà ở ấp Phú Thọ nhưng đã đi làm thuê ở Thành phố Hồ Chí Minh, chưa làm việc được, số tiền 3.950.000đ. (Ba triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng).

16. Hoàng Thị CT số tiền 3.950.000đ. (Ba triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng).

17. Nguyễn Thị HL số tiền 7.900.000đ (Bảy triệu chín trăm ngàn đồng)

18. Lê KH số tiền 3.950.000đ. (Ba triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng).

19. Thi HĐ số tiền 3.950.000đ. (Ba triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng).

20. C Trang, không rõ họ tên, chưa làm việc được do đã xuất cảnh đi nước ngoài, số tiền 3.950.000 đ. (Ba triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng).

21. Trần Hữu TI số tiền 3.950.000đ. (Ba triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng).

22. Lý Thị Hồng MI số tiền 3.950.000đ. (Ba triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng).

Tổng cộng: **76.070.000 đ** (Bảy mươi sáu triệu không trăm bảy mươi ngàn đồng).

Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại và trách nhiệm dân sự trong vụ án:

Bị cáo Trần Thị Ngọc D còn nợ tiền hui của các hui viên như sau:

1. Đỗ Thị BT, sinh năm: 1978, ĐKHKT: ấp P, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Tên hội viên: C Thuận, số tiền: 4.950.000 đ (Bốn triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng).
2. Nguyễn Thị AT, sinh năm: 1982, ĐKHKT: ấp P, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Tên hội viên: Cô Tùng, số tiền: 2.150.000 đ (Hai triệu một trăm năm mươi ngàn đồng).
3. Trần Thị DF, sinh năm: 1970, ĐKHKT: ấp B, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Tên hội viên: C 2 Mậm, số tiền: 7.600.000 đ (Bảy triệu sáu trăm ngàn đồng).
4. Nguyễn Thị SR, sinh năm: 1963, ĐKHKT: ấp B, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Tên hội viên: Bà Chín, số tiền: 4.650.000 đ (Bốn triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng).
5. Huỳnh Thị SV, sinh năm: 1957, ĐKHKT: ấp B, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Tên hội viên: Bác 5 T, số tiền: 61.460.000 đ (Sáu mươi một triệu, bốn trăm sáu chục ngàn đồng).
6. Bùi Văn UP, sinh năm: 1975, ĐKHKT: ấp P, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Tên hội viên: UP, số tiền: 9.210.000 đ (Chín triệu hai trăm mười ngàn đồng).
7. Hà (không rõ họ tên, địa chỉ), không làm việc được. Tên hội viên: Hà, số tiền: 9.210.000 đ (Chín triệu hai trăm mười ngàn đồng).
8. Nguyễn Việt DG, sinh năm: 1973, ĐKHKT: ấp W, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Tên hội viên: C Dung, số tiền: 9.210.000 đ (Chín triệu hai trăm mười ngàn đồng).
9. Nguyễn Thị TY, sinh năm: 1983, ĐKHKT: ấp P, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Tên hội viên: Mộng TY, số tiền: 9.210.000 đ (Chín triệu hai trăm mười ngàn đồng).
10. A Tùng, không làm việc được. Tên hội viên: A Tùng, số tiền: 9.210.000 đ (Chín triệu hai trăm mười ngàn đồng).
11. Nguyễn Thị HL, sinh năm: 1982, ĐKHKT: ấp P, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Tên hội viên: Thiêm Út, số tiền: 3.080.000đ (Ba triệu không trăm tám mươi ngàn đồng)
12. Phạm Thị UL, sinh năm: 1947, ĐKHKT: ấp P, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Tên hội viên: Bác 6, số tiền: 61.460.000đ (Sáu mươi một triệu bốn trăm sáu mươi ngàn đồng)
13. Thi HĐ, sinh năm: 1991, ĐKHKT: ấp P, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Tên hội viên: Đ, số tiền: 12.700.000đ (Mười hai triệu bảy trăm ngàn đồng).

14. Nguyễn Thị CA, sinh năm: 1976, ĐKHKT: ấp O, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Tên hội viên: C Tín, số tiền: 5.300.000đ (Năm triệu ba trăm ngàn đồng).

15. C Linh, không làm việc được. số tiền: 12.700.000đ (Mười hai triệu bảy trăm ngàn đồng).

16. C Loan, không làm việc được, số tiền: 5.300.000đ (Năm triệu ba trăm ngàn đồng).

Bà Huỳnh Thị SV không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại, rút lại yêu cầu buộc bị cáo Diên trả những khoản nợ sau khi cản trở giữa các dây hội.

Các hội viên khác còn thiếu nợ tiền hội của bị cáo như sau:

1. Trần Thị NH, sinh năm: 1981, ĐKHKT: ấp B, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Tên hội viên: C Muội, số tiền: 1.390.000 đ (Một triệu ba trăm chín mươi ngàn đồng).

2. Nguyễn Thị RT, sinh năm: 1974, ĐKHKT: ấp Q, xã N, huyện M, tỉnh Vĩnh Long. Tên hội viên: Mợ Út Yên, số tiền: 5.350.000 đ (Năm triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng).

3. Lý Thị Hồng MI, sinh năm: 1987, ĐKHKT: ấp P, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Tên hội viên: Mai, số tiền: 3.050.000 đ (Ba triệu không trăm năm mươi ngàn đồng).

4. Huỳnh Thị TT, sinh năm: 1975, ĐKHKT: ấp A, xã C, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Tên hội viên: C Trang, số tiền: 1.890.000 đ (Một triệu tám trăm chín mươi ngàn đồng).

5. Phạm Thị MT, sinh năm: 1962, ĐKHKT: ấp P, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Tên hội viên: 7 Thanh, số tiền: 3.340.000 đ (Ba triệu ba trăm bốn mươi ngàn đồng).

6. Trần Thị BR, sinh năm: 1959, ĐKHKT: ấp B, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Tên hội viên: 7 Bé, số tiền: 3.840.000 đ (Ba triệu tám trăm bốn mươi ngàn đồng).

7. Nguyễn Thị ÔL, sinh năm: 1991, ĐKHKT: ấp P, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Tên hội viên: Mộng TY, số tiền: 4.490.000 đ (Bốn triệu bốn trăm chín mươi ngàn đồng).

8. Nguyễn Thị HV, sinh năm: 1964, ĐKHKT: ấp Q, xã N, huyện M, tỉnh Vĩnh Long. Tên hội viên: Mợ 8 Tuấn, số tiền: 2.740.000 đ (Hai triệu bảy trăm bốn mươi ngàn đồng).

9. A Phương, ở Thành phố Hồ Chí Minh, không rõ địa chỉ, không làm việc được. Tên hội viên: A Phương, số tiền: 1.220.000 đ (Một triệu hai trăm hai mươi ngàn đồng).

10. Út Bạch, ở Thành phố Hồ Chí Minh, không rõ địa chỉ, không làm việc được. Tên hội viên: Út Bạch, số tiền: 1.390.000 đ (Một triệu ba trăm chín mươi ngàn đồng).

11. Chị Lượm không rõ họ tên, địa chỉ chưa làm việc được số tiền: 8.100.000đ (Tám triệu một trăm ngàn đồng).

12. Trần Hữu TI, sinh năm: 1990, ĐKHKTT: ấp P, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Tên hội viên: C Hùng, số tiền: 6.150.000 đ (Sáu triệu một trăm năm mươi ngàn đồng).

13. Hoàng Thị CT, sinh năm: 1983, ĐKHKTT: ấp P, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Tên hội viên: Bé, số tiền: 7.900.000đ (Bảy triệu chín trăm ngàn đồng).

14. Nguyễn Ngọc TM, sinh năm: 1990, ĐKHKTT: ấp Q, xã N, huyện M, tỉnh Vĩnh Long. Tên hội viên: Tím, số tiền: 12.380.000đ (Mười hai triệu ba trăm tám chục ngàn đồng).

15. Nguyễn Thị NF, sinh năm: 1990, ĐKHKTT: ấp U, xã J, huyện H, tỉnh Vĩnh Long. Tên hội viên: Dì Út, số tiền: 4.970.000 đ (Bốn triệu chín trăm bảy chục ngàn đồng).

16. C Trang, không rõ họ tên, do không làm việc được, hiện đã xuất ngoại. Tên hội viên: C Trang, số tiền: 6.950.000 đ (Sáu triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng).

17. Chính, không rõ họ tên, địa chỉ. Tên hội viên: Chính, số tiền: 1.560.000 đ (Một triệu năm trăm sáu mươi ngàn đồng).

18. Lê KH, sinh năm: 1979, ĐKHKTT: ấp P, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Tên hội viên: C Hồng, số tiền: 4.150.000 đ (Bốn triệu một trăm năm mươi ngàn đồng)

Tổng cộng: **80.860.000 đ** (Tám mươi triệu tám trăm sáu mươi ngàn đồng).

Tuy nhiên trong quá trình điều tra, tại phiên tòa Trần Thị Ngọc D chỉ yêu cầu 02 hội viên hoàn trả lại tiền cho bị can gồm:

1. Nguyễn Thị ÔL trả 4.490.000 đ.

2. Trần Hữu TI trả 4.000.000 đ.

Đối với hội viên còn lại bị cáo không yêu cầu họ hoàn trả lại số tiền mà những hội viên này nợ bị can.

Đối với anh Hoàng Phúc HI, sinh năm: 1982, ĐKHKTT: ấp P, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long là chồng của bị cáo Trần Thị Ngọc D, việc bị cáo gian dối để chiếm đoạt tiền của các hội viên anh Hải không biết, Cơ quan điều tra đã xác định không là đồng phạm nên không xử lý.

Đối với các hội viên Hà; Anh Tùng; Chị Linh; Chị Loan; Lượm; Út Bạch; chị Trang; Chính cơ quan điều tra chưa xác định được họ, tên địa chỉ cụ thể nên chưa có cơ sở giải quyết, khi nào làm việc được sẽ giải quyết sau.

Tại bản cáo trạng số 22/CT.VKS, ngày 15 tháng 11 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít truy tố bị cáo Diên phạm tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên cáo trạng và đề nghị áp dụng điểm c khoản 2, 5 điều 174; Điều 38; Các Điểm b, s Khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điểm g khoản 1 Điều 52, 54 của Bộ luật hình sự sửa đổi, bổ sung năm 2015; Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015, đề nghị tuyên bố bị cáo Trần Thị Ngọc D

phạm tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và đề nghị xử phạt bị cáo từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù. Miễn hình phạt bổ sung.

Án phí áp dụng khoản 1, 2 Điều 136 bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số:326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội buộc bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nộp theo quy định.

Về phân trách nhiệm bồi thường thiệt hại và trách nhiệm dân sự, tại phiên tòa và trong quá trình điều tra bị cáo và những bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thỏa thuận, sau khi khấu trừ phần tiền bị cáo phải bồi thường thiệt hại và phân trách nhiệm dân sự, bị cáo đồng ý trả lại tiền cho những người này.

Đối với những bị hại (người còn nợ tiền bị cáo trong phần trách nhiệm dân sự) và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng ý cùng có trách nhiệm trả lại tiền còn nợ cho bị cáo.

Tất cả những bị hại chỉ yêu cầu bị cáo trả tiền vốn, không yêu cầu trả tiền lãi. Bị cáo cũng yêu cầu những người nợ tiền bị cáo trả tiền vốn, không yêu cầu trả tiền lãi.

Lời nói sau cùng bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, tỏ ra ăn năn hối cải, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Hành vi phạm tội của bị cáo thực hiện tại xã N, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long nên Tòa án nhân dân huyện Mang Thít xét xử là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 269 của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên xét xử vắng theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[1.2] Xét về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện Mang Thít, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình Điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Trần Thị Ngọc D đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội: Trong khoảng thời gian từ năm 2015 đến năm 2017, bị cáo có tổ chức mở nhiều dây hụi do bị cáo làm đầu thảo. Lợi dụng sự tin tưởng của các hụi viên, bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối tự ý mượn tên của nhiều hụi viên (không được sự đồng ý của các hụi viên) để kêu hụi và hốt hụi trong 02 dây hụi. Bị cáo đã chiếm đoạt được tổng số tiền là 76.070.000 đồng (Bảy mươi sáu triệu không trăm bảy mươi ngàn đồng) nhằm mục đích tiêu xài cá nhân. Xét lời nhận tội của bị cáo là phù hợp với các lời khai tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mang Thít, tại phiên tòa và vụ án còn được chứng minh qua các tài liệu, chứng cứ khác như: các biên bản hoạt động điều tra, biên bản ghi lời khai người bị hại, những người làm chứng, biên bản thu giữ vật chứng cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Có đủ căn cứ kết luận bị cáo Trần Thị Ngọc D phạm tội “ *Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 BLHS năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[2.2] Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến khách thể được luật hình sự bảo vệ là quyền sở hữu của người khác về tài sản. Trong khi mọi người đang tích cực lao động sản xuất tạo ra của cải vật chất cho mình và góp phần làm giàu cho xã hội, thì bị cáo lại làm ngược lại, muốn có tài sản để sử dụng cho lợi ích cá nhân bị cáo dùng thủ đoạn gian dối để lấy tài sản của khác làm của riêng mình. Bị cáo gây bất bình trong dư luận xã hội, đi ngược lại chủ trương của Đảng và Nhà nước về cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư. Vì thế, để đấu tranh ngăn chặn tình trạng trên không để tái diễn trong địa bàn nói riêng và trong xã hội nói chung, cần lên cho bị cáo một mức hình phạt nghiêm để giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét bị cáo phạm tội nhưng thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã khắc phục một phần hậu quả và có nhiều bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Diên để tạo điều kiện cho bị cáo sớm hòa nhập xã hội và nuôi con nhỏ nên chấp nhận, xem đó là các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

[2.3] Về vật chứng: Các giấy hụi đã được đối chiếu và bị cáo xác nhận trong giai đoạn điều tra đây là những chứng cứ trong vụ án nên cần lưu trữ trong hồ sơ vụ án.

[2.4] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại và trách nhiệm dân sự:

Bị cáo Diên tự nguyện hoàn trả số tiền đã chiếm đoạt. Sau khi cản trừ qua lại các dây hụi, bị cáo còn nợ bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan số tiền như sau:

1. Đỗ Thị BT số tiền: 4.950.000 đ (Bốn triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng).
2. Nguyễn Thị AT số tiền: 2.150.000 đ (Hai triệu một trăm năm mươi ngàn đồng).
3. Trần Thị DF số tiền: 7.600.000 đ (Bảy triệu sáu trăm ngàn đồng).
4. Nguyễn Thị SR số tiền: 4.650.000đ (Bốn triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng).
5. Huỳnh Thị SV số tiền: 61.460.000đ (Sáu mươi một triệu, bốn trăm sáu mươi ngàn đồng).
6. Bùi Văn UP số tiền: 9.210.000đ (Chín triệu hai trăm mười ngàn đồng).
7. Hà (không rõ họ tên, địa chỉ), không làm việc được. Tên hụi viên: Hà, số tiền: 9.210.000đ (Chín triệu hai trăm mười ngàn đồng).
8. Nguyễn Việt DG số tiền: 9.210.000đ (Chín triệu hai trăm mười ngàn đồng).
9. Nguyễn Thị TY số tiền: 9.210.000đ (Chín triệu hai trăm mười ngàn đồng).
10. A Tùng số tiền: 9.210.000đ (Chín triệu hai trăm mười ngàn đồng).
11. Nguyễn Thị HL số tiền: 3.080.000đ
12. Phạm Thị UL số tiền: 61.460.000đ
13. Thi HĐ số tiền: 12.700.000đ
14. Nguyễn Thị CA số tiền: 5.300.000đ
15. C Linh, không làm việc được. số tiền: 12.700.000đ
16. C Loan, không làm việc được, số tiền: 5.300.000đ (Năm triệu ba trăm ngàn đồng).

Bà Huỳnh Thị SV không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại, rút lại yêu cầu buộc bị cáo Diên trả những khoản nợ sau khi cản trừ giữa các dây hụi.

Đối với các hụi viên Hà, Anh Tùng, Chị Linh, Chị Loan bị cáo thừa nhận còn nợ tiền nhưng trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay do chưa làm việc được vì không biết rõ họ, tên, địa chỉ nên khi làm việc được hoặc đương sự có yêu cầu sẽ giải quyết sau.

Trong giai đoạn điều tra có đủ cơ sở xác định các hụi viên còn nợ tiền bị cáo, tuy nhiên tại phiên tòa Bị cáo chỉ yêu cầu 02 hụi viên hoàn trả lại tiền gồm:

1. Nguyễn Thị ÔL: 4.490.000 đ.

2. Trần Hữu TI: 4.000.000 đ.

[2.5] Đối với số tiền 25.000.000 đồng do bị cáo D nộp khắc phục hậu quả. Hiện nay Chi cục thi hành án dân sự huyện Mang Thít đang trực tiếp quản lý nên giao cho Chi cục thi hành án dân sự huyện Mang Thít tiếp tục quản lý để đảm bảo việc thi hành án.

[3] Về án phí: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí hình sự theo quy định khoản 2 Điều 136 bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 12, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Thị Ngọc D phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ điểm c Khoản 2, 5 Điều 174, Điều 38 , điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1, 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 12, Điều 23 Nghị quyết số: 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Tuyên xử:

1. Phạt bị cáo Trần Thị Ngọc D (tên gọi khác O) 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo vào trại chấp hành bản án này.

Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại và trách nhiệm dân sự:

Chấp nhận sự tự nguyện và sự thỏa thuận giữa bị cáo, những người bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Buộc bị cáo Trần Thị Ngọc D có trách nhiệm trả:

1. Đỗ Thị BT số tiền: 4.950.000đ (Bốn triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng).

2. Nguyễn Thị Thanh Thùy số tiền: 2.150.000đ (Hai triệu một trăm năm mươi ngàn đồng).

3. Trần Thị DF số tiền: 7.600.000đ (Bảy triệu sáu trăm ngàn đồng).

4. Nguyễn Thị SR số tiền: 4.650.000đ (Bốn triệu sáu trăm năm chục ngàn đồng).

5. Bùi Văn UP số tiền: 9.210.000đ (Chín triệu hai trăm mười ngàn đồng).

6. Nguyễn Việt DG số tiền: 9.210.000đ (Chín triệu hai trăm mười ngàn đồng).

7. Nguyễn Thị TY số tiền: 9.210.000đ (Chín triệu hai trăm mười ngàn đồng).

8. Nguyễn Thị HL số tiền: 3.080.000đ (Ba triệu không trăm tám mươi ngàn đồng)

9. Phạm Thị UL số tiền: 61.460.000đ (Sáu mươi một triệu bốn trăm sáu mươi ngàn đồng)

10. Thi HĐ số tiền: 12.700.000đ (Mười hai triệu bảy trăm ngàn đồng)

11. Nguyễn Thị CA số tiền: 5.300.000đ (Năm triệu ba trăm ngàn đồng)

Tổng cộng: 129.520.000đ (Một trăm hai mươi chín triệu năm trăm hai chục ngàn đồng)

Buộc chị Nguyễn Thị ÔL trả bị cáo Trần Thị Ngọc D số tiền 4.490.000đ (Bốn triệu, bốn trăm chín mươi ngàn đồng)

Buộc anh Trần Hữu TI trả bị cáo Trần Thị Ngọc D số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng)

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành án xong, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Giao Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít tiếp tục tạm giữ số tiền 25.000.000 đồng. Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 16/11/2018 và theo lai thu số 000327 ngày 16/11/2018; số 000333 ngày 14/12/2018.

4. Án phí sơ thẩm:

- Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Trần Thị Ngọc D nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Bị cáo Trần Thị Ngọc D nộp 6.476.000đồng (Sáu triệu bốn trăm bảy mươi sáu ngàn đồng).

Chị Nguyễn Thị ÔL; anh Trần Hữu TI mỗi người nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, những người bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Báo cho biết có quyền kháng cáo bản án này

trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng những người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Báo cho biết có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&TAH TAT
- Sở tư pháp TVL
- VKSND tỉnh VL
- CAT Vĩnh Long
- VKSND huyện
- Đội Tham mưu tổng hợp thuộc CA huyện
- Chi cục THA.DS huyện
- Bị cáo, người tham gia TT.
- Lưu HS

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Huỳnh Công Hảo